

Bản án số: 07 /2019/HSST
Ngày 26/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Long Giang

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Ký - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/HSST ngày 01/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST ngày 11/4/2019 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1986, tại xã V, huyện H, tỉnh C;

Nơi ĐKKHKT: Nhà Đ, xã V, huyện H, tỉnh C;

Chỗ ở hiện nay: Nhà Đ, xã V, huyện H, tỉnh C;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Hoàng Văn B, sinh năm 1956 (đã chết); Con bà: Tô Thị N, sinh năm 1958; Anh chị em ruột: Có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Vợ Nông Thị T, sinh năm 1991, con Hoàng Gia L sinh năm 2016; Tiền sự: Không; Tiền án: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh C xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tại bản án số: 28/2019/HSST Ngày 05 tháng 3 năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 05 (Năm) năm tù về tội trộm cắp tài sản. Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 - Có mặt.

- Bị hại:

Lục Thị H - Sinh ngày 09 tháng 02 năm 2001, Trú tại: Bản P, xã Đ, huyện T, tỉnh C. Có mặt

- *Người có quyền lợi liên quan:* Nông Thị V - Sinh năm 1976
Trú tại: Bản P, xã Đ, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 30 tháng 8 năm 2018, Hoàng Văn T đi xe khách từ thành phố C đến thị trấn Đ, huyện T với mục đích để tìm trộm xe máy. Khi đi T mang theo 01 chùm chìa khóa trong đó có 04 chìa khóa xe máy do T chuẩn bị sẵn, khi đến thị trấn Đ, T xuống xe ở cổng Bưu điện huyện T rồi đi bộ dọc theo đường Quốc lộ hướng từ Bưu điện xuống đến trước trụ sở Công an huyện T (cơ sở 1) rồi lại quay lại với mục đích tìm những xe máy của người dân đặt cạnh đường để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng không tìm được xe máy vừa ý nên T ngồi uống trà đá tại một quán nước dọc đường dưới cổng chợ Đ (chợ cũ). Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thấy trời đã chập tối T tiếp tục đi bộ theo đường Quốc lộ xuống ngã ba đối diện cửa hàng nội thất Đ rồi đi theo đường qua tổ dân phố 1 lên dốc Cạm Phầy rồi đi đến sân vận động huyện T (T không nhớ tên nhà nghỉ). Sau khi thuê được phòng T đi ăn bánh mì rồi quay về ngủ. Khoảng 07 giờ sáng ngày 31/8/2018 T thức dậy trả phòng và đi theo đúng lộ trình chiều ngày 30/8/2018 đã đi. Khi đi đến khu ký túc trường Trung học phổ thông huyện T, T quan sát trong sân có nhiều xe máy và không có ai nên đã cầm chùm chìa khóa mang theo tiến tới 01 (một) chiếc xe Wave anpha màu xanh dương có dán đề can trắng, T ngồi lên xe cho chìa khóa vào ổ khóa điện khoảng 01 phút thì mở được ổ khóa và T lấy xe ra khỏi sân ký túc, lấy mũ bảo hiểm treo sẵn trên xe đội lên đầu rồi khởi động điều khiển xe theo đường 208 hướng T - P, khoảng 10 giờ cùng ngày T đến khu vực cửa khẩu Quốc tế T, T nhìn thấy một quán trà đá cách Ba - ri - e cửa khẩu khoảng 200 mét, có 02 (hai) người đàn ông khoảng 25 - 30 tuổi đang ngồi uống nước hai người này nhìn có dáng vẻ giống người nghiện ma túy nên T hỏi “anh ơi có biết ở đây có chỗ nào bán thuốc không” thì một trong hai người đó (dáng người thấp, đậm, da ngăm đen) trả lời “mày mua bao nhiêu” T trả lời “em chưa có tiền, em phải bán xe mới có tiền” người đàn ông đó nói “xe có giấy tờ không” T trả lời “mẹ em không cho em cầm giấy tờ, anh có biết chỗ nào bán sang Trung Quốc không” rồi người đàn ông đó đi cùng và chỉ đường cho T sang Trung Quốc để tìm chỗ bán xe. Khi sang Trung Quốc gặp nhiều người hỏi mua xe, nhưng người này trả giá thấp nên T không bán. Sau đó T bán xe máy cho một người đàn ông Trung Quốc khoảng 50 tuổi (không biết tên, tuổi, địa chỉ) với giá 1000 CNY (Một nghìn nhân dân tệ), khi lấy được tiền T đưa cho người đàn ông Trung Quốc (trước đó không mua xe nhưng vẫn đi cùng T để tìm bán xe) 100 CNY (Một trăm nhân dân tệ) với lý do người đó nói giúp cho T bán được xe, rồi T cùng người đàn ông Việt Nam đi bộ về Việt Nam, khi về đến khu vực cột mốc 946, Thực đổi tiền 900 CNY (chín trăm nhân dân tệ) được 3.024.000,đ với một người phụ nữ khoảng 30 - 35 tuổi (không biết tên, tuổi, địa chỉ). Sau đó T đi xe ôm ra thị trấn T về đến quán trà đá

lúc đầu, T đưa cho người đàn ông đi cùng 400.000,đ (Bốn trăm nghìn đồng) để người đàn ông đó đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, sau khi sử dụng ma túy xong thì người đàn ông đó đi đâu không rõ, còn T mua thêm 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) ma túy để sử dụng tiếp. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày T bắt xe khách từ T ra thành phố C rồi tiếp tục bắt xe khách về nhà tại H.

Cơ quan điều tra Công an huyện T xác định được chiếc xe T lấy trộm là xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 11B1 - 149.91 có chủ sở hữu là ông Lục Văn B (đã chết) chồng của bà Nông Thị V, trú tại Đ, huyện T, tỉnh C, mua năm 2016 tại cửa hàng xuất nhập khẩu thành phố C với giá 19.000.000,đ (Mười chín triệu đồng). Ngày 31/8/2018 Lục Thị H (con gái chị V) lấy xe của gia đình đi học tại trường Trung học phổ thông huyện T và để tại sân ký túc của nhà trường.

Ngày 12/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra yêu cầu định giá tài sản số 07, trưng cầu Hội đồng định giá huyện T để xác định trị giá của chiếc xe mô tô BKS 11B1-149.91. Ngày 20/12/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện T có kết luận số: 25/KL- HĐĐGTS xác định: “Chiếc xe máy giá trị còn lại là 12.390.000,đ (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngày 14/03/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tổ chức tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả Hoàng Văn T đã tự diễn lại hành vi trộm cắp tài sản của mình, phù hợp với lời khai bị hại.

Hoàng Văn T bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 05 (năm) năm tù về tội trộm cắp tài sản quy định tại điều 173 Bộ luật hình sự. Tại bản án số: 28/2019/HSST, ngày 05/3/2019. Ngày 06/3/2019 Cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh C cũng khởi tố đối với Hoàng Văn T về tội Cường đoạt tài sản quy định tại điều 170 Bộ luật hình sự.

Người bị hại Lục Thị H trình bày: Khoảng 6 giờ 50 phút ngày 31/8/2018 H điều khiển chiếc xe mô tô BKS: 11B1-149.91 đến trường Trung học phổ thông huyện T và để xe tại sân ký túc của nhà trường rồi vào lớp để học, đến khoảng 11 giờ 40 phút sau khi tan ca học buổi sáng thì H đến vị trí để xe thì phát hiện chiếc xe máy của mình đã bị mất, sau đó H có đi tìm xung quanh và báo cho mẹ là bà Nông Thị V biết. Nay H có yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc xe mô tô theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T số: 25/KL-HĐ ĐGTS, ngày 20/12/2018: 12.390.000,đ (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Thị V trình bày: Khoảng 05 giờ 30 phút sáng ngày 31/8/2018 tôi (V) đi bán thịt lợn, tôi thường xuyên để chìa khóa xe máy tại bàn thờ của gia đình, tôi (V) không biết H đã lấy xe mô tô BKS 11B1 - 149.91 đi học từ khi nào, đến khi H con gái nói xe để ở sân ký túc nhà trường trung học phổ thông T khi tan học không thấy, xác định xe đã bị mất trộm gia đình có tổ chức đi tìm nhưng không thấy. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc xe mô tô BKS 11B1-149.91 theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T số: 25/KL-HĐ ĐGTS, ngày 20/12/2018 là: 12.390.000,đ (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), tiền Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam và xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 (một) chùm chìa khóa có 04 chìa khóa Thực dùng để mở khóa xe máy là vật chứng của vụ án, đã được Cơ quan điều tra thành phố C tạm giữ trong cùng một vụ án khác và hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Đối với người đàn ông đưa T từ Việt nam sang Trung Quốc bán xe máy và mua ma túy về cùng nhau sử dụng, cũng như người bán ma túy cho T, cơ quan điều tra phối hợp với Công an thị trấn T, xã M, huyện P tiến hành xác minh theo lời khai của Hoàng Văn T nhưng không xác định được đối tượng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông Trung Quốc đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 11B1-149.91 của T, bị cáo không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không tiến hành điều tra xác minh thu lại tài sản trả lại cho bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 như Cáo trạng số 07/CT-VKSTA, ngày 31/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù.
- Về bồi thường dân sự: Bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bà Nông Thị V (mẹ của Lục Thị H) và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ sáng ngày 31 tháng 8 năm 2018 sau khi ngủ dậy tại nhà nghỉ thuộc thị trấn Đ, huyện T, Hoàng Văn T đi một vòng quanh thị

trần Đ nhằm mục đích trộm cắp xe máy, khi đi đến sân ký túc trường trung học phổ thông T, T quan sát thấy nhiều xe máy dựng ở sân trường và không có ai. Hoàng Văn T liền đi vào sân đến chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 11B1-149.91 của cháu Lục Thị H, trú tại Bản P, xã Đ, huyện T, tỉnh C và lấy chìa khóa trong túi quần mang theo để mở khóa, khoảng 01 phút sau thì mở được, sau khi mở được khóa xe T nổ được xe và điều khiển xe đi sang thị trấn T, huyện P rồi sang Trung Quốc bán xe được 1.000 CNY (Một nghìn nhân dân tệ), sau khi lấy được tiền T đưa cho người đàn ông Trung Quốc đi cùng T để tìm bán xe 100 CNY (một trăm nhân dân tệ) với lý do là người đó nói giúp cho T bán được xe rồi T cùng người đàn ông Việt nam đi bộ về Việt nam, khi về đến khu vực cột mốc 946 Thực đổi số tiền 900 (chín trăm nhân dân tệ) được 3.024.000,đ (Ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng), T đưa cho người đàn ông đi cùng 400.000,đ (Bốn trăm nghìn đồng) để người đàn ông đó đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng và T mua thêm 300.000, đ (Ba trăm nghìn đồng) ma túy để sử dụng tiếp. Đến 14 giờ cùng ngày T bắt xe khách từ T ra thành phố C về nhà tại H, số tiền còn lại T đã tiêu cho bản thân hết.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thạch An chiếc xe mô tô mà Hoàng Văn T trộm cắp có giá trị còn lại là 12.390.000,đ (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Do vậy hành vi của bị cáo Hoàng Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng số 07/CT-VKSTA ngày 31/3/2019 của VKSND huyện T tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu là người sử dụng ma túy, đã bị xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để phấn đấu trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Hiện nay bị cáo đang chấp hành Bản án số: 28/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C 05 (Năm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bản án mà bị cáo đang phải chấp hành.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 và bố của bị cáo là ông Hoàng Văn B được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba “Đã có thành tích phục vụ trong Quân đội Nhân dân Việt Nam” do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Có 01 (một) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với 01 (một) chùm chìa khóa có 04 chìa khóa T dùng để mở khóa xe máy là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra thành phố C đã tạm giữ trong cùng một vụ án khác và hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Đối với người đàn ông đưa T từ Việt Nam sang Trung Quốc bán xe máy và mua ma túy về sử dụng và người bán ma túy cho T Cơ quan điều tra tiến hành xác minh theo lời khai của T nhưng không xác định được đối tượng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông Trung Quốc đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 11B1 - 149.91, bị cáo không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ để điều tra xác minh về người đã mua xe và thu lại tài sản trả lại cho người bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và bồi thường cho bị hại là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[6] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình.

[7] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, Điều 585; khoản 1, Điều 586; khoản 1, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho bà Nông Thị V (Mẹ cháu Lục Thị H). Địa chỉ: Bản P, xã Đ, huyện T, tỉnh C là: 12.390.000,đ (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án: Không có.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015;

- Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn T - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 03 (Ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt tại bản án số: 28/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C, đã xử phạt bị cáo 05 (Năm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2018.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 353; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585, khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho bà Nông Thị V (Mẹ đẻ của cháu H) 12.390.000,đ (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Địa chỉ: Bản P, xã , huyện T, tỉnh C.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468; Nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Vật chứng vụ án: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23; Điểm b, khoản 1, mục II của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 619.500,đ (Sáu trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng bị cáo phải chịu án phí 819.500,đ (Tám trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) sung công quỹ Nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã Ký)

Nông Long Giang

Nguyễn Thị Hằng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Hương

